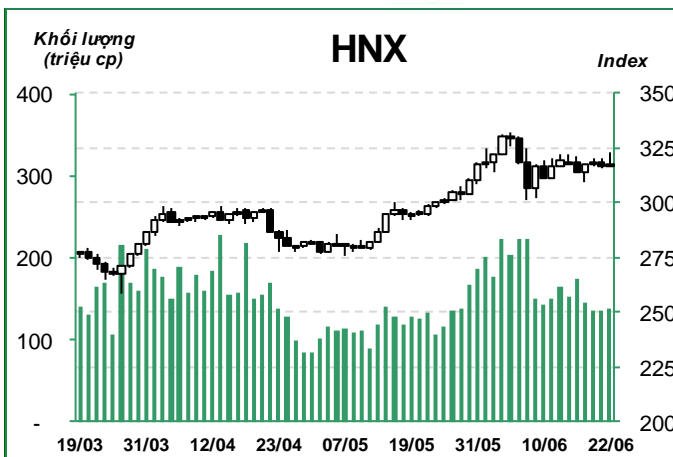
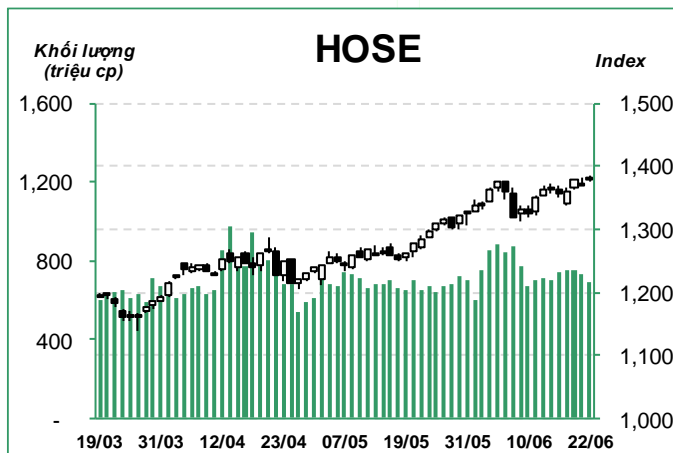


Tổng quan thị trường

22/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,379.97	0.53%	1,489.24	0.74%	317.09	0.27%
Cuối tuần trước	1,377.77	0.16%	1,481.30	0.54%	318.73	-0.52%
Trung bình 20 ngày	1,353.39	1.96%	1,474.94	0.97%	318.12	-0.33%
Tổng KLGD (triệu cp)	746.95	-2.76%	223.72	4.79%	163.58	13.49%
KLGD khớp lệnh	694.75	-5.00%	211.64	3.17%	139.10	1.83%
Trung bình 20 ngày	750.65	-7.45%	265.78	-20.37%	172.33	-19.29%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	22,393.32	-1.18%	11,240.82	2.46%	3,672.82	14.67%
GTGD khớp lệnh	19,885.35	-2.73%	10,258.09	-0.26%	2,940.57	-1.40%
Trung bình 20 ngày	23,726.97	-16.19%	13,410.04	-23.50%	4,064.53	-27.65%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	189	43%	17	57%	101	27%
Số mã giảm	204	46%	10	33%	113	31%
Số mã đứng giá	50	11%	3	10%	156	42%



Sự bùng nổ của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giúp các chỉ số tăng trở lại trong phiên ngày thứ 3. Đồng thời VN-Index một lần nữa thiết lập đỉnh lịch sử mới. Tuy nhiên, dòng tiền đổ vào thị trường không thực sự mạnh mẽ và áp lực chốt lời ở nhóm midcap mạnh lên khiến đà tăng của các chỉ số dần suy yếu vào cuối phiên.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đảo chiều tăng hơn 7 điểm và đóng cửa tại mức 1,379.97 điểm (+0.53%). Tuy nhiên, độ rộng thị trường chưa thể trở lại trạng thái tích cực khi số mã giảm điểm vẫn chiếm ưu thế (204 mã giảm/189 mã tăng) và thanh khoản sụt giảm so với phiên trước. KLGD khớp lệnh đạt 694.7 triệu cổ phiếu (-5.0%), tương đương 19,885 tỷ đồng giá trị (-2.7%).

Sau những phiên tăng điểm gần đây, dòng tiền rút dần khỏi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ để trở lại với nhóm cổ phiếu trụ kéo thị trường đi lên, đặc biệt là nhóm ngân hàng với các cổ phiếu như Vietinbank-CTG (+3.2%), MBBank-MBB (+3.3%), Vietcombank-VCB (+0.9%). Bên cạnh đó, một số Bluechips khác cũng có diễn biến tăng tích cực như Novaland-NVL (+4.1%), PV Gas-GAS (+2.0%), Hòa Phát-HPG (+1.0%). Ở chiều ngược lại, áp lực bán gia tăng trong phiên chiều khiến các cổ phiếu trụ như Sabeco-SAB (-1.7%), Vinhomes-VHM (-0.4%), VPBank-VPB (-0.8%), Vincom Retail-VRE (-0.9%) đánh mất sắc xanh. Ngoài ra, áp lực chốt lời cũng xuất hiện ở nhiều cổ phiếu midcap từng tăng tốt trước đó, tập trung ở một số ngành như phân bón, cao su, BĐS, nhựa

Khối ngoại có phiên mua ròng trở lại trên sàn HoSE, đạt giá trị 101.1 tỷ đồng. Dẫn đầu ở chiều mua ròng lần lượt là Hòa Phát-HPG (+120.9 tỷ), chứng chỉ quỹ FUEVFNVD (+94.0 tỷ) và Vietcombank-VCB (+71.8 tỷ). Trái lại, VPBank-VPB (-94.8 tỷ), Bamboo Capital-BCG (-76.5 tỷ), Vincom Retail-VRE (-45.6 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VIB	10,700.0	535.28
MWG	1,960.0	305.35
GAB	839.9	162.65
FPT	1,525.0	138.24
FUEVFNVD	3,400.0	84.48
MBB	1,869.3	78.27
BCG	5,400.3	75.12
VCB	689.1	74.16
TCB	1,438.8	72.90
VNM	755.5	68.70
HNX		
PVI	13,842.0	501.08
SHB	3,668.2	99.45
SHS	1,340.0	51.78
HUT	5,280.0	50.36
THD	100.0	19.86
VCS	45.0	5.26
NRC	132.0	2.98
SPI	51.5	1.00
TAR	22.0	0.39
DVG	5.0	0.07

Trên sàn HNX, dù duy trì sắc xanh trong cả phiên giao dịch, chỉ số HNX-Index chỉ đóng cửa nhích nhẹ trên tham chiếu tại mức 317.09 điểm (+0.27%). KLGĐ khớp lệnh đạt 139.1 triệu cổ phiếu (+1.8%), tương đương 2,940.6 tỷ đồng giá trị (-1.4%).

Trong đó, động lực cho đà tăng của chỉ số đến từ các cổ phiếu Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.1%), Cảng Hải Phòng-PHP (+6.7%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.0%), Dầu khí PTSC-PVS (+0.3%) dù mức tăng không còn tích cực như phiên sáng. Ở chiều giảm điểm, Idico-IDC (-2.1%), Tasco-HUT (-5.6%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-1.6%) và Vicostone-VCS (-0.6%) là những mã gây áp lực lớn nhất.

Khối ngoại có phiên bán ròng khá mạnh trên sàn HNX hôm nay với giá trị 604.2 tỷ đồng (+1692.1%). Trong đó, chủ yếu đến từ lượng bán ròng đột biến của Bảo hiểm PVI-PVI (-561.8 tỷ) do cổ đông HDI Global SE đăng ký bán. Cùng với đó, một số cổ phiếu khác cũng bị bán ròng đáng kể như Tập đoàn PAN-PAN (-14.4 tỷ), Thaiholdings-THD (-7.6 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-4.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền chưa thực sự mạnh mẽ. Mặc dù vậy, chỉ số tiếp tục đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với đường ADX nằm trên vùng 24 và đường +DI nằm trên -DI cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm. Thêm vào đó, đường RSI và MACD đang có sự phục hồi trở lại, cho thấy chỉ số đang đứng trước cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng tâm lý 1,400 điểm trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang được duy trì, ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 330 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, xu hướng tăng điểm của thị trường đang tiếp diễn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào hướng tới các cổ phiếu có dự báo kinh doanh quý 2 tăng trưởng khả quan và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VOS	6.9	4,071.8	7.0%
SPM	13.8	21.3	7.0%
TGG	6.5	417.4	7.0%
TNT	7.7	585.7	6.9%
KMR	9.0	1,084.5	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FIT	14.0	6,673.6	-6.7%
SVC	68.6	0.9	-6.0%
PSH	26.5	179.7	-5.4%
HPX	36.4	887.4	-5.1%
DBT	15.0	317.5	-5.1%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	42.0	1,559.4	3.3%
CTG	51.9	1,126.9	3.2%
VPB	66.0	1,116.4	-0.8%
HPG	51.7	1,003.6	1.0%
TCB	50.9	947.3	1.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	14.6	44,353.5	1.0%
MBB	42.0	37,323.0	3.3%
STB	30.2	26,035.7	1.2%
CTG	51.9	21,930.6	3.2%
AAA	19.5	21,219.4	-2.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VGP	44.0	7.4	10.0%
PEN	8.8	0.1	10.0%
SHN	12.2	396.4	9.9%
SDU	10.0	0.8	9.9%
ATS	33.6	0.1	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ALT	12.6	0.1	-10.0%
CAN	29.0	0.7	-9.9%
DHP	10.0	0.1	-9.9%
SGD	10.3	16.7	-9.6%
HCT	13.4	19.6	-9.5%

Top 5 giá trị

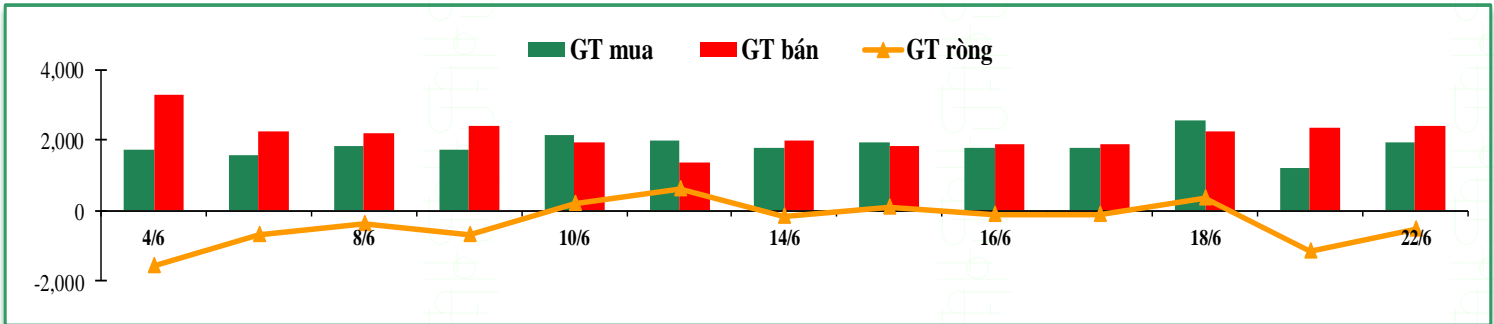
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	27.2	684.9	1.1%
PVI	40.2	506.4	0.0%
PVS	30.5	422.4	0.3%
SHS	41.2	243.5	1.0%
VND	42.1	184.9	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	27.2	24,830.3	1.1%
HUT	8.4	16,006.5	-5.6%
PVI	40.2	13,973.7	0.0%
PVS	30.5	13,581.3	0.3%
CEO	11.0	6,902.1	1.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,916.9	8.6%	1,815.9	8.1%	101.1
HNX	10.1	0.3%	614.3	16.7%	-604.2
Tổng số	1,927.1		2,430.2		-503.1



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	146.0	281.5	0.1%
HPG	51.7	223.7	1.0%
FPT	85.4	121.7	-0.2%
VNM	90.6	114.7	0.0%
MBB	42.0	103.1	3.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	146.0	281.5	0.1%
FPT	85.4	121.7	-0.2%
MBB	42.0	115.9	3.3%
VNM	90.6	112.0	0.0%
HPG	51.7	102.8	1.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.7	120.9	1.0%
FUEVFNVD	25.0	94.0	0.2%
VCB	107.6	71.8	0.9%
HDB	34.4	44.6	2.1%
GAS	94.9	39.5	2.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.1	4.3	0.2%
SHB	27.2	1.4	1.1%
VCS	106.3	1.1	-0.6%
PVI	40.2	0.8	0.0%
PVS	30.5	0.8	0.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	40.2	562.7	0.0%
PAN	28.9	14.4	0.3%
THD	198.5	7.6	0.3%
VND	42.1	7.4	0.2%
PVS	30.5	5.3	0.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CPC	18.3	0.3	-3.7%
SCI	41.9	0.1	3.5%
SGD	10.3	0.1	-9.6%
PLC	28.4	0.1	-1.4%
DTD	36.0	0.1	-0.3%

Tin trong nước

Cho vay chứng khoán chỉ chiếm 0,5% tổng tín dụng nền kinh tế

Thị trường chứng khoán Việt Nam liên tục phá kỷ lục cả về điểm số lẫn thanh khoản từ cuối năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, theo số liệu từ phía NHNN thì con số tín dụng chảy vào thị trường chứng khoán hiện nay không quá lớn, thậm chí là chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng tín dụng cung cấp ra nền kinh tế.

Cụ thể, theo thông tin từ Vụ tín dụng các ngành kinh tế, NHNN, dư nợ tín dụng chảy vào lĩnh vực chứng khoán dự kiến đến cuối tháng 6 tăng khoảng 3% nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ (0,48%) trong tổng dư nợ nền kinh tế, ước đạt khoảng 46.700 tỷ đồng, tăng khoảng 400 - 500 tỷ đồng so với cuối năm 2020.

Một quỹ ETF niêm yết tại Mỹ chuẩn bị đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Mới đây, Dawn Global đã công bố ra mắt quỹ Asian Growth Cubs ETF (CUBS), được niêm yết trên Sàn chứng khoán NewYork (NYSE). CUBS là quỹ ETF chuyên đầu tư vào cổ phiếu tại các thị trường mới nổi và cận biên.

Danh mục đầu tư của CUBS hiện có 43 cổ phiếu nhưng có thể tăng lên con số 80, sẽ được đánh giá định kỳ hàng quý và tái cân bằng 2 lần mỗi năm, thông qua tỷ trọng đồng đều giữa các loại cổ phiếu để giảm thiểu rủi ro của một quốc gia và một công ty. Danh mục đầu tư sẽ hướng tới các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, công nghệ truyền thông, viễn thông, hàng tiêu dùng và tài chính.

Hải Dương có thêm 3 cụm công nghiệp 210 ha ở Bình Giang, Kinh Môn

UBND tỉnh Hải Dương quyết định thành lập 3 cụm công nghiệp tại huyện Bình Giang, thị xã Kinh Môn. Tổng mức đầu tư hơn 1.741 tỷ đồng với diện tích khoảng 210 ha.

Tại Bình Giang, cụm công nghiệp Bình Giang 1 được thành lập tại xã Nhân Quyền, quy mô 75 ha. Tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tạm tính khoảng 470 tỷ đồng.

Tại thị xã Kinh Môn, cụm công nghiệp Quang Trung được lập tại xã Quang Thành, quy mô 74,5 ha. Tổng mức đầu tư xây dựng hơn 515 tỷ đồng.

Theo quy hoạch phát triển các KCN tỉnh Hải Dương đến 2020, địa phương này có 21 KCN với tổng diện tích hơn 3.684 ha, tập trung tại TP Hải Dương, thị xã Chí Linh và các huyện Cẩm Giàng, Kim Thành, Gia Lộc, Nam Sách, Thanh Hà...

Nguồn: Cafef, NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hơn 1,1 tỷ cổ phiếu HPG được giao dịch bổ sung vào ngày 28/6

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo hơn 1,1 tỷ cổ phiếu HPG của Tập đoàn Hòa Phát được niêm yết bổ sung từ 22/6 và bắt đầu được giao dịch từ 28/6. Đây là lượng cổ phiếu Hòa Phát phát hành thêm để trả cổ tức cổ phiếu năm 2020. Khối lượng cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán của HPG tăng từ 3,3 tỷ lên 4,47 tỷ đơn vị.

Năm nay, tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu 120.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế mục tiêu đạt 18.000 tỷ đồng, cùng tăng 33% so với thực hiện năm trước. Riêng quý I, tập đoàn ghi nhận 31.177 tỷ đồng doanh thu, tăng 62% và thực hiện 26% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 7.006 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước và thực hiện 39% kế hoạch năm.

Hợp ĐHĐCĐ Kido: Dịch bệnh khiến nhiều kế hoạch bị chậm, đã mua nguyên liệu đầu vào đến tháng 9

Sáng ngày 22/6, Tập đoàn Kido (HoSE: KDC) tổ chức họp ĐHĐCĐ trình bày chiến lược kinh doanh. HĐQT trình kế hoạch doanh thu thuần 11.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 800 tỷ đồng; lần lượt tăng 38% và 92% so với năm trước.

Doanh nghiệp đang nghiên cứu tham gia vào ngành hàng cà phê, chuẩn bị khai trương các cửa hàng chuk chuk.

Năm 2020, Kido sẽ chia cổ tức 16% bằng tiền mặt, 10% đã tạm ứng. Tỷ lệ cổ tức kế hoạch năm nay là 16% gồm 10% cổ phiếu và 6% tiền mặt.

Kido đã hoàn tất hợp nhất Kido Foods trong năm 2020 và vẫn tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn tập đoàn thông qua sáp nhập các công ty con trong ngành dầu thời gian tới.

Vinaconex chốt quyền chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông

Vinaconex (HoSE: VCG) thông báo việc dùng 36,2 triệu cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông, tỷ lệ phân phối 9%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 6/7. Lượng cổ phiếu quỹ Vinaconex chia cho cổ đông có giá thị trường 1.756 tỷ đồng.

ăm 2021, Vinaconex đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 12.230 tỷ đồng, tăng 41% so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1.008 tỷ đồng, giảm 40% so với thực hiện năm 2020.

Quý I, đơn vị ghi nhận doanh thu thuần đạt 952 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Lãi sau thuế 345 tỷ đồng, gấp 5,4 lần so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ hơn 341 tỷ đồng. Như vậy, sau 3 tháng đầu năm, doanh nghiệp hoàn thành 7,8% mục tiêu về doanh thu và 34% mục tiêu về lợi nhuận.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Mua	23/06/21	51.9	51.9	0.0%	58.2	12.1%	49.4	-4.8%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	ABB	Quan sát mua	23/06/21	22.2	25-26	Phiên tăng kèm vol cao trở lại sau nhịp điều chỉnh cận vol -> khả năng sớm có nhịp tăng trở lại
2	TLH	Quan sát mua	23/06/21	17.6	21-22	Phiên điều chỉnh vol thấp sau khi break kênh giảm -> khả năng sớm tăng trở lại
3	GDT	Quan sát mua	23/06/21	57.1	68-70	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với phiên giảm vol thấp ở quanh đỉnh thời đại -> khả năng sớm tăng trở lại vượt đỉnh, có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về quanh 55
4	DRC	Quan sát mua	23/06/21	29.4	34-35	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với phiên giảm vol thấp ở quanh đỉnh thời đại -> khả năng sớm tăng trở lại vượt đỉnh, có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 28.5-29

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	58.7	49.9	17.6%	60	20.2%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	30.5	21.8	39.9%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	31.5	31.7	-0.6%	36	14%	30	-5%	
4	PLC	Mua	14/06/21	28.4	26.4	7.6%	30.6	16%	24.7	-6%	
5	KBC	Mua	15/06/21	39	35.4	10.2%	42	19%	33.3	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VCS	Mua	16/06/21	106.3	103.7	2.5%	122	18%	97.8	-6%
7	SBT	Mua	17/06/21	22.2	21.1	5.2%	24	14%	20.4	-3%
8	POW	Mua	18/06/21	12.55	12.4	1.2%	14.3	15%	11.7	-6%
9	VNM	Mua	21/06/21	90.6	92.1	-1.6%	101.5	10%	88.6	-4%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 22/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	4,060	-1.0%	171%	14,920	13	85,400	2,107	(1,953)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,340	0.3%	234%	1,540	92	34,350	936	(2,404)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	44,000	0.1%	672%	80	8	51,700	36,732	(7,268)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,260	-2.9%	687%	4,850	92	51,700	1,827	(6,433)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,200	0.7%	342%	3,980	13	51,700	15,330	(13,870)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,860	-0.9%	255%	13,930	14	51,700	6,490	(7,370)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,450	-0.5%	463%	7,590	13	51,700	3,152	(5,298)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,400	0.0%	447%	5,600	48	51,700	6,546	(9,854)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,250	1.5%	223%	2,860	66	51,700	1,512	(11,738)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,330	0.8%	310%	15,160	51	51,700	0	(5,330)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,200	0.8%	333%	20,740	51	51,700	0	(5,200)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,800	1.3%	138%	9,230	55	37,300	2,793	(1,007)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,850	-0.4%	185%	4,230	92	37,300	938	(1,912)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,690	-4.4%	103%	9,150	52	37,300	3,497	(2,193)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,950	11.2%	397%	78,230	14	42,000	8,011	61	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,410	5.3%	184%	12,540	51	42,000	764	(2,646)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2101	1,050	2,780	0.0%	165%	2,430	92	108,500	496	(2,284)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,460	-1.6%	146%	2,060	92	108,500	155	(2,305)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,560	-1.4%	85%	3,980	52	108,500	3,461	(2,099)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,880	5.1%	116%	340	8	146,000	25,023	(857)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,750	-1.8%	15%	6,330	14	146,000	2,910	160	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,300	1.1%	110%	10,180	41	146,000	5,258	(1,042)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,750	-2.8%	-8%	15,420	13	146,000	1,760	10	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	7,350	-9.8%	206%	40,760	(92)	146,000	(95)	(7,445)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,330	0.0%	47%	5,630	66	146,000	1,885	(2,445)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,340	4.5%	434%	18,130	92	113,500	3,070	(2,270)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,610	12.8%	228%	64,510	97	113,500	15	(3,595)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,970	-5.9%	261%	18,200	66	88,400	460	(3,510)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,530	-6.0%	312%	15,120	97	88,400	689	(3,841)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,230	5.2%	31%	20,310	14	98,500	2,077	(153)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,000	1.0%	150%	10,210	41	98,500	3,739	(1,261)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,450	-3.2%	7%	20,420	14	57,600	2,410	(40)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,600	3.6%	136%	5,410	92	22,200	42	(2,558)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,400	-0.9%	540%	6,530	92	30,200	4,160	(2,240)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,430	0.0%	431%	9,540	48	30,200	6,125	(1,305)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,210	0.5%	155%	5,120	66	30,200	7,389	(2,821)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,270	2.3%	442%	4,120	38	50,900	28,949	(321)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	1.9%	380%	3,800	105	50,900	20,091	(3,909)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,220	0.0%	214%	20,730	14	50,900	7,465	245	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,280	0.9%	220%	10,880	48	50,900	7,750	(1,530)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,240	3.4%	262%	2,480	66	50,900	2,665	(4,575)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,980	-7.9%	24%	13,160	55	22,700	45	(1,935)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,830	-1.7%	183%	2,380	92	22,700	91	(2,739)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,530	-3.8%	-8%	6,890	52	22,700	19	(2,511)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,520	-10.6%	27%	18,920	51	22,700	(0)	(1,520)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,140	-3.1%	185%	9,900	92	111,500	418	(2,722)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,540	-0.8%	34%	32,610	14	111,500	2,457	(83)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,040	-1.9%	90%	8,250	48	111,500	1,378	(1,662)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,110	-1.0%	107%	4,850	52	111,500	876	(2,234)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,280	-1.5%	152%	18,230	51	111,500	22	(3,258)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,850	-2.1%	185%	6,610	92	117,500	46	(2,804)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,400	0.0%	118%	4,800	97	117,500	0	(2,400)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2101	1,100	2,050	0.0%	86%	6,430	92	90,600	0	(2,050)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	370	-9.8%	-78%	14,870	14	90,600	(0)	(370)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,760	-5.2%	86%	10,490	83	90,600	5	(2,755)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,760	0.0%	60%	11,200	97	90,600	0	(1,760)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	40,450	-0.4%	622%	2,920	38	66,000	40,058	(392)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,450	-0.8%	398%	1,550	14	66,000	14,515	65	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	14,900	-0.8%	452%	12,120	48	66,000	14,801	(99)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	7,600	-4.0%	204%	9,600	66	66,000	5,730	(1,870)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,000	-1.0%	20%	10,270	38	31,500	4,061	(1,939)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,330	-3.7%	94%	1,590	92	31,500	65	(2,265)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	800	-14.9%	-56%	36,790	14	31,500	381	(419)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,750	-10.3%	35%	13,680	48	31,500	103	(1,647)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,020	-5.6%	1%	5,560	52	31,500	18	(3,002)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	37,300	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	40,500	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	43,550	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	19,500	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	39,400	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	111,500	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	57,400	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	34,350	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	40,500	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	39,000	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	57,600	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	30,300	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	45,850	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	37,300	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MPC		UPCOM	39,800	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	80,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,800	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,900	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	124,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,500	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	146,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	167,100	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	108,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	90,600	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	93,600	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	113,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,300	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	107,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,650	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	50,900	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	18,150	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	60,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,700	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	85,400	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,500	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	38,600	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	73,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	58,600	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	22,200	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	42,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	94,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	64,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	24,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,200	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,500	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,000	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

LHG		HOSE	43,200	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	94,500	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,550	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.
 ** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.